TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2024/DS-PT
Ngày 02 - 5 - 2024
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Kiều Kim Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 4 và ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H: Ông Đinh Ngọc Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ F, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh K: Ông Trần Văn N là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Cẩm H1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

(Ông Đ, ông K, Luật sư N có mặt; Bà Cẩm H2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị H do ông Đinh Ngọc Đ là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nguyên bà H có diện tích 4.905m^2, thuộc thửa đất 2249, tờ bản đồ số 3 và các thửa đất 16, 17, 715, 716, 717, cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2001 cho bà Võ Thị H.

Trong các thửa đất nêu trên thì thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.891m^2 nguồn gốc của ông Trần Công M là chồng bà H nhận chuyển nhượng của ông Tạ Quang P vào năm 1993. Khi nhận chuyển nhượng có các chủ đất liền kề ký tên xác định vị trí khu đất mà ông M nhận chuyển nhượng, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/6/1994.

Liền kề thửa đất 16 của ông M là đất của ông Nguyễn Thanh K thuộc thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3, trước đây ranh giới giữa thửa đất 16 và thửa đất 4419 là mương lạn và hàng rào dây kẽm gai. Năm 1996 chính quyền có cất 01 căn nhà tình nghĩa cho mẹ con bà Đặng Thị T (nhà kết cấu ban đầu vách ván, nền gạch, mái tole) trên thửa đất 16. Khi cất nhà cho bà T có chừa phần đất phía sau nhà cách mương lạn giáp với đất ông K là 1,5m để chống lỡ, phía bên hông nhà có chừa cách hàng rào dây kẽm gai giáp đất ông K khoảng 3m.

Đến năm 2001 ông M đã tặng cho bà H toàn bộ diện tích 4.905m^2 đất nêu trên, trong đó có diện tích 2.891m^2, thuộc thửa đất 16.

Năm 2004 khi Nhà nước thu hồi đất của ông K để quy hoạch xây dựng trụ sở Công an huyện C, lúc đó Công an có đến đất ông K xây dựng nhà tạm để làm trụ sở Công an giao thông, khi xây dựng không có xây lấn sang thửa đất 16 nên bà H không tranh chấp.

Đến khoảng năm 2011, khi Ủy ban nhân dân huyện C trả lại đất thu hồi xây dựng trụ sở Công an huyện C cho ông K, ban đầu ông K vẫn sử dụng đúng ranh giới, một thời gian sau tự ý làm hàng rào lưới B40 vào sát nhà tình nghĩa của bà T xây trên đất của bà H. Sau đó, ông K đã tự ý phá bỏ ranh giới, tháo dỡ hàng rào lưới B40, bơm cát san lấp, xây tường rào kiên cố, khi xây tường rào ông K đã lấn qua đất của bà H phía sau nhà tình nghĩa 1,5m dài hơn 20m, cặp hông nhà xây lấn qua khoảng 3m, dài khoảng 15m. Bà H yêu cầu ông K dừng xây dựng nhưng ông K không đồng ý.

Bà H yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 16, tờ bản đồ số 1 của bà H và thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3 của ông K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 15, 16. Buộc ông K di dời tường rào trả lại cho bà H diện tích

đất lấn chiếm 51,1m^2, theo các mốc 14, 15, 16, 22, 21, 20, 14, theo Sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh K trình bày:

Thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.701,9m^2 ông K đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Kim M1 và bà Nguyễn Thị M2. Năm 1990 nhận chuyển nhượng của bà M1 diện tích 1.225m^2, năm 1998 nhận chuyển nhượng của bà M2 diện tích 146m^2, khi nhận chuyển nhượng xung quanh đất đều có cắm trụ đá giáp ranh, những khoảng đất trống đều có hàng rào lưới B40. Năm 1998 ông K được Ủy ban nhân dân huyện C cấp bổ sung thêm diện tích 236m^2, tổng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.607m^2.

Đến tháng 02/2004, Trung tâm K1 đo đạc toàn thị trấn, ranh liền kề đất của ông K đều có chủ giáp ranh xác định, thống nhất mốc giới, diện tích đo đạc thực tế 2.066,8m^2.

Tháng 8/2004, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất của ông K để xây dựng trụ sở Công an huyện C, diện tích thu hồi chỉ có 2.018m^2, thiếu 48,8m^2 so với diện tích do Trung tâm K1.

Năm 2009, Uỷ ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh lại quy hoạch trụ sở Công an Huyện và chỉ đạo Uỷ ban nhân dân Huyện trả lại đất không quy hoạch cho các hộ dân. Tháng 7/2009, ông K được trả lại đất, khi trả đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C không đo đạc cắm mốc như chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân Tỉnh mà yêu cầu ông K dựa trên sơ đồ vị trí khu đất ngày 24/12/1997 có các mốc gởi để xác định ranh. Năm 2009, ông K xin phép xây dựng nhà, hàng rào trong khuôn viên đất, lúc xây dựng có cán bộ đến kiểm tra vị trí xây dựng nhưng không có ý kiến gì.

Ông K không đồng ý theo yêu cầu của bà H, ông K xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 16, tờ bản đồ số 1 của bà H và thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3 của ông K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 20, 21, 22, theo Sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Cẩm H1 trình bày:

Bà Cẩm H2 là con của bà Đặng Thị T, năm 2000 Nhà nước có xây cho bà T một căn nhà tình nghĩa để thờ cúng liệt sĩ, do bà T không có đất nên ông Trần Công M là em bà T cho một nền nhà trên thửa đất 16. Sau khi được cho đất Nhà nước xây dựng cho bà T một căn nhà tình nghĩa kết cấu khung gỗ tạp, mái lợp tole, năm 2008 căn nhà xuống cấp nên Nhà nước xây dựng lại cho bà T một căn nhà tường tại vị trí đất nêu trên. Năm 2018 bà T chết thì bà Cẩm H2 sống tại căn nhà này cho đến nay, khi về sinh sống trên đất thấy phía tiếp giáp với đất của ông K đã có hàng rào ranh bằng lưới B40 nhưng không biết do ai rào. Căn nhà tình nghĩa xây cất lần đầu vào năm 2000 vách nhà phía sau cách hàng rào lưới giáp đất ông K đủ để thợ dựng giàn giáo, căn nhà xây lại lần hai vào năm 2008 khi đó đất ông K đã bị thu hồi, khi ông K quản lý đất và xây tường rào ranh thì bà Cẩm

H2 có báo cho ông M biết nhưng ông M không đến, việc ông K xây tường rào ranh có lấn sang đất bà H2 hay không thì không biết.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Võ Thị H tại thửa số 16 với đất của ông Nguyễn Thanh K tại thửa số 4419 là đường thẳng nối qua các mốc 14, 20, 21, 22, 14, đất tọa lạc tại khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị H.

Bà Võ Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000005 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Bà Võ Thị H phải chịu 5.974.780 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà Võ Thị H đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 bà Võ Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng:

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 16, tờ bản đồ số 01 của bà Võ Thị H và thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Thanh K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 15, 16.

Buộc ông Nguyễn Thanh K di dời tường rào trả lại cho bà H diện tích lấn chiếm 51,1m^2 theo các mốc 14, 15, 16, 22, 21, 20, 14.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đinh Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tòa án sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, Ủy ban nhân dân huyện C chưa đo lại diện tích đất căn nhà tình nghĩa. Ông K trình bày căn nhà tình nghĩa cất lần đầu trên đất ông M, thửa đất cất nhà tình nghĩa liên quan đến Quyết định số 75, năm 1998 ông

K được cấp bổ sung thêm diện tích 236m^2 không đúng, năm 2013 ông K làm hàng rào lưới B40, đến năm 2020 mới xây tường. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh K là bị đơn trình bày: Không thống nhất yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H, cơ quan ban ngành đã thẩm tra hết thửa đất, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Ông Trần Văn N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh K trình bày: Không cần thiết đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, hiện nay căn nhà tình nghĩa không nằm trên thửa đất của ông K, không cần thiết đợi cơ quan chuyên môn xác định ranh đất, đất bà H giáp đất ông T1. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Võ Thị H nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Cẩm H2 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Cẩm H2 theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Võ Thị H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01 của bà Võ Thị H và thửa đất số 4419, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Thanh K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 15, 16.

Buộc ông Nguyễn Thanh K di dời tường rào trả lại cho bà H diện tích lấn chiếm 51,1m^2 theo các mốc 14, 15, 16, 22, 21, 20, 14.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền

của bà Võ Thị H thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng Tòa án sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Xét thấy, đây là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, nên không cần thiết đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà H yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 16 của bà H và thửa đất 4419 của ông K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 15, 16 và yêu cầu ông K trả lại diện tích lấn chiếm 51,1m^2 tại các mốc 14, 15, 16, 22, 21, 20, 14, theo Sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.891m^2, đất tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2001 có nguồn gốc của ông P chuyển nhượng cho ông M (chồng bà H) vào năm 1993, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/6/1994, đến năm 2001 ông M tặng cho bà H, khi lập thủ tục tặng cho không có đo đạc thực tế.

Thửa đất 4419, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.701,9m^2 ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/11/2009 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà M1 và bà M2. Năm 2004 Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi thửa đất này của ông K để xây dựng trụ sở Công an huyện C. Năm 2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ điều chỉnh lại quy hoạch trụ sở Công an huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C trả lại thửa đất 4419 cho ông K, khi xác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K vào năm 2009 cơ quan chức năng không có đo đạc lại diện tích thửa đất, khi tiếp nhận lại đất ông K dựa trên Sơ đồ vị trí khu đất ngày 24/12/1997 có các mốc gởi để xác định ranh.

Bà H cho rằng khi nhận lại đất, ông K không căn cứ Sơ đồ trích đo quy hoạch trụ sở Công an huyện C để xác định lại ranh, mà lại căn cứ vào Sơ đồ vị trí khu đất lập ngày 24/12/1997 để xác định ranh là không đúng, khi ông K xây tường rào ranh đã lấn sang thửa đất 16 của bà H, cụ thể: Trên thửa đất 16 có căn nhà của bà T, ranh đất của bà H và đất ông K khi chưa thu hồi cách căn nhà của bà T phía sau nhà 1,5m và phía hông nhà 3m, ông K xây tường rào ranh sát hai vách nhà của bà T.

Ông K cho rằng căn nhà hiện tại của bà T, hiện trạng vị trí căn nhà xây dựng lần đầu vào năm 2000 cách hàng rào ranh như người đại diện của bà H trình bày, khi xây dựng lại lần sau vào năm 2008 thì không xây tại vị trí nhà cũ mà lại xây sát ranh và lấn sang thửa đất 4419 của ông K đã bị thu hồi, thể hiện tại Trích đo hiện trạng đất ngày 30/01/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, thời điểm này ông K không quản lý đất. Vì vậy, khi tiếp nhận lại đất ông K xây tường rào ranh sát vách nhà của bà T.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất 16 của bà H giáp đất ông K, ông T1…Tuy nhiên, khi tiến hành đo đạc thì bà H không xác định được ranh giới với

các thửa đất tiếp giáp nên không đo đạc được hiện trạng thửa đất 16 của bà H. Thửa đất 4419 của ông K giáp đất bà H, bà T2, ông T1…., ông K đã xây tường rào kiên cố, diện tích đo đạc thực tế 1.687,3m^2, thiếu 14,6m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K được cấp.

Bà H cho rằng khi ông K xây tường rào lấn sang thửa đất 16, trên thửa đất có căn nhà của bà T, xây dựng lần đầu cách ranh đất ông K phía sau nhà 1,5m, phía hông nhà 3m, xây dựng lần sau cũng không thay đổi vị trí, không được ông K thừa nhận và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh căn nhà của bà T qua hai lần xây dựng vẫn không thay đổi vị trí.

Bà Cẩm H2 con bà T trình bày, khi ông K xây tường rào ranh thì bà Cẩm H2 đã thông báo cho ông M biết, nhưng ông M và bà H2 không có ý kiến, việc ông K xây tường rào có lấn ranh đất hay không thì không biết.

Qua đối chiếu các sơ đồ trước đây với sơ đồ đo đạc thực tế, hiện trạng đất của bà H2 và ông K ranh giới, mốc giới đều phù hợp với kích thước các sơ đồ đo đạc hiện trạng đất của ông K trước đây.

Vì vậy, bà H2 yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 16 của bà H2 và thửa đất 4419 của ông K là đường thẳng nối qua các mốc 14, 15, 16 và yêu cầu ông K trả lại diện tích lấn chiếm 51,1m^2 tại các mốc 14, 15, 16, 22, 21, 20, 14 là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H2 không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H2. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H2 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông K là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H2 không được chấp nhận nên phải chịu án phí, bà H2 thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Võ Thị H tại thửa đất số 16 với đất của ông Nguyễn Thanh K tại thửa đất số 4419 là đường thẳng nối qua các mốc 14, 20, 21, 22, đất tọa lạc tại khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000005 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Bà Võ Thị H phải chịu 5.974.780 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Bà H đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Dũng